

Phụ biểu số 05

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN NINH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 438 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Cơ sở pháp lý, nguồn vốn
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					LUA	RPH	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công trình, dự án được phân bổ từ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	839,15	106,44	732,71	124,69	36,57	571,45		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	12,11		12,11	2,52		9,59		
1.1.1	Công trình năm 2020 chưa thực hiện tiếp tục chuyển sang thực hiện năm 2021	12,11		12,11	2,52		9,59		
1	Đất quốc phòng tại xã Phước Hải	9,59		9,59			9,59	xã Phước Hải	VB 1476/UBND-KT ngày 10/5/2018 của UBND huyện BCHQS huyện đăng ký nhu cầu
2	Xây dựng trụ sở công An huyện Ninh Phước	2,52		2,52	2,52		0,00	TT Phước Dân	Công Văn số 4018/UBND-QH XD ngày 25/10/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận
1.1.2	Công trình đăng ký mới năm 2021	3,47		3,47	0,32	3,15			
3	Đất quốc phòng tại xã Phước Thái	3,15		3,15		3,15	0,00	xã Phước Thái	VB 483/UBND-KTTH ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh
4	Công an xã Phước Hải	0,12		0,12	0,12		0,00	xã Phước Hải	CV 1231/CAT-PH10 ngày 07/10/2020 của CA tỉnh
5	Công an xã Phước Hữu	0,20		0,20	0,20		0,00	xã Phước Hữu	CV 1231/CAT-PH10 ngày 07/10/2020 của CA tỉnh
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	827,04	106,44	720,60	122,17	36,57	561,86		

1.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	827,04	106,44	720,60	122,17	36,57	561,86		
1.2.1.1	Công trình năm 2020 chưa thực hiện tiếp tục chuyển sang thực hiện năm 2021	483,89	2,78	481,11	61,29	36,57	383,25		
a	Đất giao thông	12,36	2,78	9,58	3,00		6,58		
6	Đường đôi vào thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	10,52	2,78	7,74	3,00		4,74	xã An Hải	Quyết định 2616/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh và NQ 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh
7	Đường giao thông phục vụ thi công vận hành dự án điện mặt trời Sp InFra 1	1,84		1,84			1,84	xã Phước Thái	Văn bản số 3632/UBND-KT ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh và NQ số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh
b	Công trình thủy lợi	63,41		63,41	0,08		63,33		
8	Xây dựng bảo vệ khu dân cư 2 bên bờ sông Lu	2,90		2,90			2,90	TT Phước Dân	QĐ số 1186/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh
9	Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ bờ sông Dinh khu vực xã Phước Sơn	4,18		4,18			4,18	xã Phước Sơn	QĐ số 1187/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh
10	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển	15,15		15,15			15,15	xã Phước Hải	Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận
11	Cải tạo nâng cấp Hệ thống kênh mương cấp 2 của kênh Chàm thuộc dự án cải tạo và nâng cấp kênh Chàm và đường giao thông quản lý kênh Nam	2,45		2,45	0,08		2,37	xã Phước Hữu	Quyết định 610/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh
12	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước	29,70		29,70			29,70	xã Phước Vinh, xã Phước Thái, Phước Hữu	Quyết định 2327/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận

13	Dự án Đê cửa Sông Phú Thọ	7,13		7,13			7,13	xã An Hải	NQ 797/UBTVQH14 ngày 24/10/2019 của UB thường vụ Quốc hội
14	Khắc phục sạt lở bờ sông đoạn sau lưng miếu Năm Bà, thôn Ninh Quý, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước	1,90		1,90			1,90	xã Phước Sơn	Quyết định 1598/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh
c	Công trình năng lượng	408,12		408,12	58,21	36,57	313,34		
15	Nhà máy điện gió Phước Hữu Duyên Hải 1 (CT TNHH Hưng Tín)	9,80		9,80	7,83		1,97	xã Phước Hữu	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh
16	Nhà máy điện gió Phước Hữu	10,80		10,80	9,10		1,70	xã Phước Hữu	NQ 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Thuận.
17	Nhà máy điện mặt trời Phước Hữu 2 (mở rộng ĐMT Ninh Phước 9)	140,00		140,00			140,00	xã Phước Hữu	Văn bản số 3025/UBND-KT ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh
18	Đường dây 110 KV TBA 220KV Tháp Chàm -Ninh Phước	0,19		0,19			0,19	huyện Ninh Phước	Văn bản số 5593/ADMN-QLCTĐ1 ngày 14/9/2017 của Tổng Công ty điện lực Miền Nam
19	Trạm biến áp 220kV Ninh phước và đường dây 220 kV Ninh Phước - Thuận Nam	1,30		1,30			1,30	huyện Ninh Phước	Quyết định 674/QĐ-EVNNPT ngày 22/5/2019 của Tổng cty truyền tải điện quốc gia
20	Trạm biến áp 220kV Ninh phước và đường dây 220 kV Ninh Phước - Thuận Nam	3,44		3,44	3,41		0,03	huyện Ninh Phước	Quyết định 674/QĐ-EVNNPT ngày 22/5/2019 của Tổng cty truyền tải điện quốc gia
21	Đường dây 220kV đấu nối nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt	0,03		0,03	0,01		0,02	xã Phước Vinh	Công văn số 2798/UBND-KT ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận
22	Đường dây điện 110 Kv và mở rộng ngăn xuất tuyến tại Trạm 110kV Ninh Phước (Nhà MĐMT Phước Hữu)	0,30		0,30	0,06		0,24	xã Phước Hữu	Văn bản số 1937/SCT-VP ngày 11/12/2017 của Sở Công Thương
23	Đường dây điện 220 kV đấu nối từ Ninh Phước đi Vĩnh Tân (Nhà máy điện mặt trời Phước Hữu 2)	0,55		0,55	0,09		0,46	xã Phước Hữu	Thông báo số 305/TB-VPUB ngày 18/9/2018 của Văn phòng UBND tỉnh

24	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.3 (công ty CP TVXD Điện 2, Cty CPNLTT và NN Ninh Thuận, Cty CPNLTT và NN Bình Phước) diện tích 60 ha	16,98		16,98			16,98	xã Phước Hữu	Văn bản số 5531/UBND-KT ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh
25	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.2	10,90		10,90			10,90	Phước Hữu	
26	Nhà máy Điện mặt trời Ninh Phước 7	16,98		16,98			16,98	xã Phước Vinh	Văn bản số 3889/UBND-KT ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh
27	Mở rộng điện mặt trời Ninh Phước 10 (Liên danh công ty CP Điện khu vực 1, công ty TNHH Đại Hoàng Hà)	8,49		8,49			8,49	xã Phước Hữu	NQ 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Ninh Thuận,
28	Nhà máy điện gió số 17	31,50		31,50	31,50		-	xã Phước Hữu	Công văn 3680/UBND-KT ngày 28/12/2019 của UBND tỉnh
29	Nhà máy điện gió Win Energy Chính Thắng	9,53		9,53			9,53	xã Phước Hữu	Quyết định chủ trương số 426/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh
30	Thay dây dẫn đường dây 110kV 174 Tháp Chàm - Ninh Phước (3 huyện)	0,20		0,20			0,20	huyện Ninh Phước	NQ 19/NQ-HĐND ngày 23/3/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
31	Đường dây mạch 2 Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí (2 huyện)	0,09		0,09			0,09	xã Phước Hữu	NQ 19/NQ-HĐND ngày 23/3/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
32	Đường dây 110 kV đấu nối dự án Điện mặt trời infra 1	0,50		0,50	0,21		0,29	xã Phước Thái	NQ 19/NQ-HĐND ngày 23/3/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
33	Đường dây 110 kV Phước Thái - Phước Hữu, Phước Thái - Phước Hữu ĐL1 và Ninh Phước 6.2	0,35		0,35			0,35	xã Phước Hữu, Phước Thái	NQ 19/NQ-HĐND ngày 23/3/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
34	Dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2	91,15		91,15		29,73	61,42	xã Phước Thái	Công Văn số 4001/UBND-KT ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận
35	Dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 3	42,25		42,25		6,17	36,08	xã Phước Thái	Công Văn số 4001/UBND-KT ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận

36	Nhà máy điện gió số 5 (Điện gió Phước Hữu - Trung Nam)	8,42		8,42	5,00		3,42	xã Phước Hữu	Công Văn số 3963/UBND-KTTH ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận
37	Đường dây điện 110kv giải tỏa công suất nhà máy điện tập đoàn điện lực Việt Nam	0,35		0,35			0,35	xã Phước Hữu, Phước Thái	Công Văn số 4001/UBND-KT ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận
38	Đường dây 500KV nhiệt điện Vân Phong - nhiệt điện Vĩnh Tân	2,02		2,02	1,00	0,67	0,35	Phước Vinh, Phước Thái, Phước Sơn, Phước Hữu	Quyết định số 264/QĐ-UBQLV ngày 11/7/2019 của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
39	Quỹ đất dự kiến thu hồi để di chuyển các công trình hạ tầng của địa phương khi xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam	2,00		2,00			2,00	xã Phước Sơn, Phước Hữu, Phước Thái và xã Phước Vinh	QĐ 2352/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2018 của Bộ giao thông vận tải
1.2.3.2	Công trình đăng ký mới năm 2021	343,15	103,66	239,49	60,88		178,61		
a	Đất nông nghiệp	16,00	16,00						
40	Dự án phát triển thủy sản bền vững vốn vay WB (tiểu dự án 3: Nâng cấp mở rộng khu sản xuất giống thủy sản tập trung An Hải)	16,00	16,00				-	xã An Hải	VB 3012/UBND-KTTH ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
b	Đất giao thông	101,41		101,41	53,04		48,37		
41	Đường tỉnh 710 (đoạn từ Thành Tín - Bàu Ngự - Từ Thiện)	17,70		17,70	1,80		15,90	Ninh Phước	VB 1921/SGTVT-QLGT ngày 28/9/2020 của Sở Giao Thông; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
42	Mở rộng đường Văn Lâm - Sơn Hải	1,50		1,50			1,50	xã Phước Hải	QĐ 1312/QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh
43	Đường vành đai phía Đông Nam (đoạn từ TL 703 đến TL 701)	38,70		38,70	23,80		14,90	TT Phước Dân, Phước Hải, An Hải	QĐ 1312/QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh

44	Đường vành đai phía Đông Nam (đoạn từ QL 27 đến TL 703)	38,09		38,09	27,10		10,99	TT Phước Dân, Phước Thuận, Phước Hậu	QĐ 1312/QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh
45	Đường giao thông vào Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1	5,41		5,41	0,34		5,07	xã Phước Thái	VB 943/EVNPMB3-BT ngày 23/9/2020
46	Dự án cầu qua sông Quao liên xã Phước Thuận - An Hải	0,01		0,01			0,01	Phước Thuận - An Hải	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HDDND huyện
c	Đất thủy lợi	2,93		2,93			2,93		
47	Hạng mục tuyến kè bờ bảo vệ Nam sông Dinh và tuyến đường gom nông thôn thuộc dự án Đập hạ lưu Sông Dinh	2,00		2,00			2,00	xã An Hải	Văn bản số 1333/UBND-KTTH ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh
48	Hồ chứa nước Lanh Ra	0,70		0,70			0,70	xã Phước Vĩnh	VB 1114/BQLDANNN-DA1 ngày 14/9/2020 của Ban QLDAĐTĐ các công trình NN và PTNT
49	Dự án gia cố kè chống sạt lở sông Lu I, II	0,12		0,12			0,12	TT Phước Dân	NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
50	Dự án gia cố kè chống sạt lở suối Tầm Rá	0,11		0,11			0,11	xã Phước Vĩnh	NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
d	Đất năng lượng	215,38	87,66	127,72	0,41		127,31		
51	Nhà máy cụm điện gió trên biển Ninh Thuận (hạng mục: đất xây dựng móng trụ 500 kv)	5,00		5,00			5,00	xã An Hải	NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
52	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.3 (hạng mục Móng trụ đường dây đầu nối nhà điều hành)	2,08		2,08			2,08	Phước Thái, Phước Vĩnh	Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận (phần nằm ngoài lòng hồ)
53	Đường dây 500kv mạch kép Thuận Nam - Chơn Thành	2,81		2,81	0,41		2,40	Ninh Phước	VB 9036/CPMB-ĐB ngày 29/9/2020 của BQLDA các công trình điện miền trung; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
54	Đường dây 220 KV mạch kép Ninh Phước - 500kv Thuận Nam	0,36		0,36			0,36	Ninh Phước	VB 9214/CPMB-ĐB ngày 03/10/2020 của BQLDA các công trình điện miền

									trung
55	Đường dây 110kv đấu nối dự án nhà máy điện gió số 7A	0,50		0,50			0,50	xã Phước Hữu	NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
56	Đường dây đấu nối và ngăn lộ mở rộng nhà máy điện gió số 7A	2,65		2,65			2,65	xã Phước Hữu	VB 951/CTHĐ-QLNL ngày 07/10/2020 của cty cổ phần tập đoàn Hà Đô
57	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.3 (công ty CP TVXD Điện 2, Cty CPNLTT và NN Ninh Thuận, Cty CPNLTT và NN Bình Phước) diện tích 60 ha	43,02		43,02			43,02	xã Phước Hữu	VB 5531/UBND-KT ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh (bổ sung diện tích lên 60 ha)
58	Mở rộng diện mặt trời Ninh Phước 10 (Liên danh công ty CP Điện khu vực 1, công ty TNHH Đại Hoàng Hà)	31,83		31,83			31,83	xã Phước Hữu	QĐ chủ trương đầu tư số 102/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh; (bổ sung diện tích lên 40,32 ha)
59	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 2.2	25,00		25,00			25,00	xã Phước Thái	
60	Tuyến đường dây đấu nối về Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.3	2,08		2,08			2,08	Phước Thái, Phước Vinh	Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận (phần nằm ngoài lòng hồ)
61	Nhà máy điện mặt trời Infra (giai đoạn 2)	100,00	87,66	12,34			12,34	xã Phước Thái, Phước Vinh	
62	Xây dựng cột thu lôi chống sét	0,05		0,05			0,05	xã Phước Thái, xã Phước Hậu, xã Phước Thuận, xã An Hải	QĐ 440/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh
63	Đường dây 110kv đấu nối dự án nhà máy điện gió Phước Hữu - Duyên Hải 1	0,35		0,35	0,35		-	xã Phước Hữu	
64	Đường dây 110kv đấu nối dự án nhà máy điện gió số 5	0,11		0,11	0,05		0,06	xã Phước Hữu	
e	Khu dân cư	7,43		7,43	7,43				

65	Dự án di dân tái định cư vùng sạt lở bờ sông xã Phước Hữu (vị trí 1: Khu trung tâm xã - khu núi thấp, thôn Hậu Sanh)	7,43		7,43	7,43		-	xã Phước Hữu	VB 1989/SNNPTNT-KH ngày 17/7/2020; NQ 67/2020/NQ-HĐND tỉnh
2	Công trình, dự án cấp huyện	105,01	13,65	91,30	40,94		50,36		
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	44,91	1,49	43,36	31,87		11,49		
2.1.1	Công trình năm 2020 chưa thực hiện tiếp tục chuyển sang thực hiện năm 2021	36,98	1,20	35,78	25,27		10,51		
a	Đất di tích lịch sử văn hóa	0,08		0,08			0,08		
66	Xây dựng bia tưởng niệm di tích lịch sử sự kiện thăm sát ấp Nam năm 1947	0,08		0,08			0,08	xã Phước Hải	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HDDND huyện
b	Công trình giáo dục	1,22	0,37	0,85	0,75		0,10		
67	Mở rộng trường tiểu học Hoài Nhơn	0,15		0,15	0,08		0,07	xã Phước Hậu	Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh và NQ số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh
68	Mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	0,70		0,70	0,67		0,03	xã Phước Hậu	đã xây dựng, chưa được cấp giấy CNQSD đất
69	Trường Mẫu giáo Phước Thuận (cơ sở Vạn Phước)	0,13	0,13				-	xã Phước Thuận	đã xây dựng, đã thống kê hiện trạng năm 2020, chưa được cấp giấy CNQSD đất
70	Trường Mẫu giáo Phước Thuận (cơ sở Thuận Hoà)	0,24	0,24				-	xã Phước Thuận	đã xây dựng, đã thống kê hiện trạng năm 2020, chưa được cấp giấy CNQSD đất
e	Đất giao thông	0,43		0,43	0,24		0,19		
71	Bãi đậu xe và lắp đặt mái che	0,19		0,19			0,19	xã Phước Thuận	nguồn vốn xã hội hóa
72	Xây dựng đường giao thông nội đồng	0,24		0,24	0,24		-	xã Phước Hậu	Đã thỏa thuận thu hồi đất và hoán đổi đất với người dân
f	Đất Chợ	1,21		1,21			1,21		

73	Chợ Phú Quý	1,21		1,21			1,21	TT Phước Dân	
g	Đất ở nông thôn, đất ở đô thị (Dự án đầu tư quyền sử dụng đất)	33,17	0,80	32,37	23,57		8,80		
74	Khu dân cư phía Nam cầu Phú Quý (giai đoạn 2)	18,00		18,00	18,00		-	TT Phước Dân	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của HĐND huyện
75	Khu dân cư Tám Ký	7,17		7,17			7,17	TT Phước Dân	BC 646/BQL-QLDA ngày 16/9/2020 của BQL dự án đầu tư XD Dân dụng và CN
76	Khu dân cư Ninh Quý 1	0,20		0,20			0,20	xã Phước Sơn	Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND huyện
77	Quy hoạch chỉnh trang và phân lô khu dân cư Mã Thánh, thôn Phước Thiện 2	1,60	0,80	0,80			0,80	xã Phước Sơn	Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 của UBND huyện
78	Khu dân cư xã An Hải (Bầu Bèo)	6,20		6,20	5,57		0,63	xã An Hải	QĐ 2081/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND huyện Ninh Phước
h	Nghĩa trang, nghĩa địa	0,71		0,71	0,71				
79	Mở rộng nghĩa trang thôn Phước An 1	0,71		0,71	0,71		-	xã Phước Vinh	Đất công, giao cho giáo xứ Phước An mở rộng nghĩa địa
i	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,13		0,13			0,13		
80	Hội trường UBND xã Phước Thuận	0,13		0,13			0,13	xã Phước Thuận	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HDDND huyện
i	Công trình SHCD, vui chơi giải trí	0,03	0,03						
81	Nhà văn hóa tổ dân phố 15	0,03	0,03					TT Phước Dân	đã xây dựng, chưa làm thủ tục pháp lý về đất đai
2.1.2	Công trình đăng ký mới năm 2021	7,93	0,29	7,58	6,60		0,98		
a	Công trình giao thông	0,13		0,13			0,13		
82	Đường đi nghĩa trang 2 thôn Hoài Nhơn	0,13		0,13			0,13	Xã Phước Hậu	CV 172/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND xã Phước Hậu, vốn do dân đóng góp

83	Đường nội thôn Hoài Trung	0,12		0,12			0,12	xã Phước Thái	CV 222/UBND-KT ngày 14/09/2020 của UBND xã , vốn do dân đóng góp
b	Công trình giáo dục	0,33	0,14	0,19			0,19		
84	Mẫu giáo xã Phước Hải	0,10		0,10			0,10	xã Phước Hải	Vốn của tập đoàn Trung nam
85	Mở rộng trường mầm non Sơn Ca	0,09		0,09			0,09	TT Phước Dân	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HDDND huyện
86	Trường Mẫu giáo Phước Thuận (cơ sở Phú Nhuận)	0,14	0,14				-	xã Phước Thuận	đã xây dựng, đã thống kê hiện trạng năm 2020, chưa được cấp giấy CNQSD đất
c	Đất Chợ	0,48		0,48			0,48		
87	Chợ Phước Hậu	0,48		0,48			0,48	xã Phước Hậu	VB 4151/UBND-KT ngày 30/11/2020 của UBND huyện Ninh Phước
d	Dự án khu dân cư	6,60		6,60	6,60				
88	Khu đô thị mới An Hải	6,60		6,60	6,60			xã An Hải	Hình thức kêu gọi đầu tư
e	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,15	0,05			0,05		
89	Công viên thôn Hiệp Hòa	0,05		0,05			0,05	xã Phước Thuận	Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND huyện
90	Đất văn hóa khu Bàu Trúc	0,15	0,15				-	TT Phước Dân	đã xây dựng, chưa làm thủ tục pháp lý về đất đai
f	Đất sông suối	0,19		0,13			0,13		
91	Thu hồi đất ông Nguyễn Văn Chung do sạt lở đất để hoán đổi đất công ích của xã	0,19		0,19			0,19	xã Phước Hậu	CV 172/BC-UBND ngày 14/10/2020 của UBND xã Phước Hậu
2.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất	60,10	12,16	47,94	9,07		38,87		
2.2.1	Công trình đăng ký mới năm 2021	28,06	12,16	15,90	2,59		13,31		
a	Đất nông nghiệp	19,58	12,03	7,55					

							7,55		
92	Hoán đổi đất hộ bà Huỳnh Thị Nga với đất công ích của xã	0,20	0,20				-	Xã Phước Sơn	
93	Hoán đổi đích công ích xã các cho hộ làm đường kết nối đường Tà Ranh	0,54	0,54				-	xã Phước Thái	
94	Hoán đổi đích công ích xã các cho hộ làm đường giao thông nội đồng phục vụ kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong SXNN năm 2019	0,25	0,25				-	xã Phước Hậu	
95	Hoán đổi đích công ích xã các cho hộ làm mở rộng trường tiểu học Hoài Nhơn	0,08	0,08				-	xã Phước Hậu	
96	Giao đất rừng sản xuất cho hộ ông Nguyễn Hồng	10,96	10,96				-	xã Phước Thái, xã Phước Vinh	
97	Chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm	0,30		0,30			0,30	xã Phước Vinh	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
98	Đất nông nghiệp khác (lấy từ Bãi vật liệu D, thôn Liên Sơn 2)	7,25		7,25			7,25	xã Phước Vinh	QĐ 43/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh
b	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ	2,95		2,95	2,58		0,37		
99	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ	0,08		0,08			0,08	xã Phước Hậu	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
100	Trung tâm Viettel huyện Ninh Phước	0,03		0,03			0,03	TT Phước Dân	VB1780/NTN-KHT của Viettel Ninh Thuận
101	Chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ	2,84		2,84	2,58		0,26	TT Phước Dân	VB số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND thị trấn
c	Đất ở tại đô thị, nông thôn	5,53	0,13	5,40	0,01		5,39		
102	Đấu giá QSD đất ở (Trạm y tế cũ xã Phước Hải; Đài liệt sỹ; Sân bóng đá cũ thôn Từ Tâm)	1,72		1,72			1,72	xã Phước Hải	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
103	Đấu giá QSD đất ở (Sân phơi thôn Hiệp Hòa)	0,13		0,13			0,13	xã Phước Thuận	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021

104	Đầu giá QSD đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đất do xã quản lý)	0,20		0,20			0,20	xã Phước Thái	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
105	Đầu giá QSD đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đất do xã quản lý)	0,24		0,24			0,24	xã Phước Hậu	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
106	Đầu giá QSD đất ở (Khu dân cư Liên Sơn 2; Khu đất thuộc Hội người cao tuổi thôn Phước An 1; Khu thuốc lá Hòa Việt thuộc thôn Liên Sơn 2)	0,97	0,03	0,94			0,94	xã Phước Vinh	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
107	Đầu giá QSD đất ở xen kẽ trong khu dân cư (Đất do xã quản lý)	0,05	0,05				-	xã Phước Hữu	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
108	Đầu giá QSD đất ở xen kẽ trong khu dân cư	0,05	0,05				-	xã Phước Sơn	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
109	Đầu giá QSD đất ở xen kẽ trong khu dân cư	0,09		0,09	0,01		0,08	TT Phước Dân	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
110	Đầu giá QSD đất ở khu dân cư xóm cũ	2,08		2,08			2,08	TT Phước Dân	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
d	Đất khai thác vật liệu xây dựng	28,47		28,47			28,47		
111	Khai thác vật liệu san lấp điểm QH 100	20,46		20,46			20,46	xã Phước Thái	Đơn đăng ký công ty Đại Phú Thịnh
112	Khai thác mỏ vật liệu núi Chông	8,01		8,01			8,01	xã Phước Thái	GP tham dò KS 16/GP-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh
113	Mỏ vật liệu san lấp Hòa Thạnh	8,90		8,90			8,90	xã An Hải	KH 151/KH-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh
114	Mỏ vật liệu san lấp núi Một	11,72		11,72			11,72	xã Phước Hữu	KH 151/KH-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh
115	Mỏ cát xây dựng sông Dinh	14,24	14,21				-	xã An Hải	KH 151/KH-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh
2.2.2	Công trình năm 2020 chưa thực hiện tiếp tục chuyển sang thực hiện năm 2021	32,04		32,04	6,48		25,56		
a	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ	12,61		12,61	2,11		10,50		
116	Chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ	1,53		1,53	1,39		0,14	TT Phước Dân	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích

117	Đấu giá QSD đất phòng khám đa khoa khu vực Phú Nhuận	0,57		0,57			0,57	xã Phước Thuận	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2020
118	Khu trưng bày vật liệu và trang trí nội ngoại thất	0,34		0,34	0,34		-	xã Phước Thuận	Văn bản 723/UBND-KT ngày 06/3/2019 của UBND huyện Ninh Phước
119	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,10		0,10			0,10	xã Phước Thuận	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
120	Chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ	0,80		0,80	0,30		0,50	xã Phước Thuận	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
121	Nhà kho hợp tác xã Phước Hậu	0,03		0,03			0,03	xã Phước Hậu	Đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục đất đai
122	Chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ	0,18		0,18			0,18	xã An Hải	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
123	Chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ	0,08		0,08	0,08		-	xã Phước Hữu	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
124	Khu du lịch sinh thái An Đông	8,98		8,98			8,98	xã An Hải	Kêu gọi đầu tư
b	Đất ở phân lô đấu giá QSDĐ	2,28		2,28	0,09		2,19		
125	Đấu giá đất đai liệt sĩ cũ sang đất ở	0,45		0,45			0,45	TT Phước Dân	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
126	Đấu giá đất ở (ao cá Bình Quý)	0,41		0,41			0,41	TT Phước Dân	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
127	Đấu giá QSD đất ở (Trạm y tế cũ xã An Hải, khu đất gần trường Nguyễn Thị Minh Khai, đường đi cũ tại thôn Long Đình, Tái định cư Tà Đe)	0,26		0,26	0,09		0,17	xã An Hải	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
128	Phân lô đấu giá đất ở tại chợ Phước An 1 cũ	0,26		0,26			0,26	xã Phước Vinh	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
129	Khu dân cư Núi Tháp (20 lô còn lại giao đất theo đối tượng chính sách)	0,67		0,67			0,67	xã Phước Hữu	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
130	Đấu giá QSD đất ở (đất xã quản lý, Đất Câu lạc bộ phụ lão cũ và Khu dân cư Vạn Phước)	0,23		0,23			0,23	xã Phước Thuận	Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất năm 2021
c	Chuyển mục đích sang đất ở	17,15		17,15	4,28				

							12,87		
1	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	5,00		5,00	2,30		2,70	TT Phước Dân	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
2	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	2,31		2,31	0,42		1,89	xã Phước Thuận	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
3	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	1,22		1,22	0,08		1,14	xã Phước Hải	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
4	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	0,14		0,14			0,14	xã Phước Vinh	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
5	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	4,00		4,00	1,00		3,00	xã An Hải	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
6	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	2,22		2,22	0,44		1,78	xã Phước Hậu	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
7	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	0,69		0,69			0,69	xã Phước Hữu	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
8	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	0,87		0,87	0,04		0,83	xã Phước Thái	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích
9	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư	0,70		0,70			0,70	xã Phước Sơn	hộ gia đình đăng ký chuyển mục đích